

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 07 - 12 - 2021  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Bé Sáu;
2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn Nu E, sinh năm 1984 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ngô Hồng D, sinh năm 1986 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 9 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Nu E trình bày:*

*Về hôn nhân:* Năm 2012, anh Nguyễn Văn Nu E quen biết, yêu thương với chị Ngô Hồng D; năm 2013, anh Nguyễn Văn Nu E và chị D có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh Nguyễn Văn Nu E và chị D chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, chung sống được vài năm thì giữa anh với chị D bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm, không hòa hợp, mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn, gia đình hai bên cố gắng hòa giải cho anh chị nhưng không được, cuộc sống chung không

thể hợp nhau nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh Nguyễn Văn Nu E xin ly hôn với chị D.

*Về con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai đề ngày 27 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Ngô Hồng D trình bày:*

*Về hôn nhân:* Thống nhất với tất cả lời trình bày và yêu cầu của anh Nguyễn Văn Nu E. Năm 2012, chị Ngô Hồng D quen biết với anh Nu E, đến năm 2013 chị D và anh Nu E tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, tuy hôn nhân do tự tìm hiểu nhưng sau khi kết hôn, chị D và anh Nu E về chung sống chỉ hạnh phúc được vài năm thì bắt đầu mâu thuẫn với nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu là do mỗi người có suy nghĩ, lối sống khác nhau nên không hòa hợp, tình cảm dần không còn. Chị D và anh Nu E có hàn gắn nhưng không hàn gắn được nên chị D và anh Nu E đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, tuy có hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn trầm trọng nên anh Nu E xin ly hôn, chị D thống nhất ly hôn với anh Nu E.

*Về con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Nu E và chị Ngô Hồng D đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Nguyễn Văn Nu E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Ngô Hồng D được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Anh Nguyễn Văn Nu E và chị Ngô Hồng D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Từ năm 2013 cho đến nay, anh Nguyễn Văn Nu E và chị Ngô Hồng D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Nu E với chị Ngô Hồng D.

[6] *Về nuôi con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[7] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[8] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, anh Nguyễn Văn Nu E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; chị Ngô Hồng D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Đồng Quân mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Nu E với chị Ngô Hồng D.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Nu E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0006270 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; anh Nguyễn Văn Nu E đã nộp đủ án phí;

Chị Ngô Hồng D không phải chịu án phí.

Anh Nguyễn Văn Nu E và chị Ngô Hồng D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**



